

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/03/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tâm;

Ông Lê Chánh Ngôn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hm – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1980. (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số 384, khu phố Z, thị trấn R, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1970. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt – có ý kiến xin xét xử vắng mặt theo biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2024)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Lê Văn H1 sống chung với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/10/2017. Quá trình chung sống

đến khoảng tháng 6 năm 2023, bà phát hiện ông H1 thường xuyên nhắn tin, gọi điện với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng nảy sinh bất đồng, mâu thuẫn không thể giải quyết. Từ đó đến nay bà và ông H1 không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H1, không thể hàn gắn để chung sống hạnh phúc được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Văn H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 01 con chung tên là Lê Nhạc P, sinh ngày 13/6/2018. Hiện đang sống cùng với bà. Bà mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên là Lê Nhạc P, bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Lê Văn H1 không có khoản nợ chung nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2024, bị đơn là ông Lê Văn H1 trình bày:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2017 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông và bà T không có mâu thuẫn gì. Chỉ khoảng đầu năm 2023, ông bị tai biến từ đó bà T bỏ bê, không chăm sóc ông, ông phải về sống chung với người em ruột ở thôn Lập Sơn, xã Tân Lập. Từ đó đến nay ông và bà T không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Lê Nhạc P, sinh ngày 13/6/2018, hiện đang sống cùng với bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu Tòa án ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Lê Thị Bích T yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2023 của bà Lê Thị Bích T được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị Bích T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Lê Văn H1. Người bị kiện là ông Lê Văn H1 có địa chỉ cư trú tại huyện Hàm Thuận Nam. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn: Bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn H1 tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn H1 đều trình bày quá trình chung sống, từ khoảng đầu năm 2023 cho đến nay, hai đương sự không còn sống chung, mạnh ai nấy sống. Bà Lê Thị Bích T yêu cầu ly hôn, ông Lê Văn H1 không đồng ý ly hôn với bà T. Với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có thể xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích T theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tại phiên tòa.

[5] Về con chung: Bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn H1 xác định có 01 con chung là Lê Nhạc P, sinh ngày 13/6/2018. Bà Lê Thị Bích T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhạc P từ khi bà T và ông H1 không sống chung cho đến nay, bà T có nguyện vọng được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con. Ông Lê Văn H1 cũng đồng ý với giao con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên là Lê Nhạc P.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông Lê Văn H1 cũng không đề nghị Tòa án ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn H1.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Lê Thị Bích T được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên là Lê Nhạc P, sinh ngày 13/6/2018. Trong trường hợp cháu Lê Nhạc P do ông Lê Văn H1 hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Lê Nhạc P thì bà Lê Thị Bích T có quyền yêu cầu những người này phải giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014279 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; như vậy, bà Lê Thị Bích T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật).

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội